

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí dự án:
Lập Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 04/10/2020 của Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;

Căn cứ Thông tư số 05/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức;

[Handwritten mark]

Căn cứ Thông tư số 04/2006/TT-BTNMT ngày 22/5/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp tính đơn giá dự toán, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2847/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; sản phẩm, dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 4866/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 530/TTr-STNMT ngày 28 tháng 9 năm 2021; ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 3380/STC-HCSN ngày 27 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí dự án: Lập Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2025, với các nội dung chính như sau:

- 1. Tên dự án:** Lập Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2025.
- 2. Cơ quan chủ quản:** Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- 3. Chủ đầu tư:** Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình.
- 4. Phối hợp thực hiện:** Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã.
- 5. Mục tiêu của dự án**

Mục tiêu của dự án là hoạch định và phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực và địa phương trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính thời kỳ 2021-2025; khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí



hậu, bảo vệ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; cung cấp thông tin thực trạng, tiềm năng tài nguyên đất của tỉnh, làm cơ sở để thống nhất quản lý đất đai, làm căn cứ để giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đồng thời hình thành hệ thống thông tin tư liệu về đất đai phục vụ cho công tác quản lý sử dụng đất hợp lý, khoa học và có hiệu quả kinh tế cao; làm cơ sở để UBND tỉnh Quảng Bình cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các loại thuế liên quan đến đất đai và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định thời kỳ 2021- 2025; là công cụ để chính quyền các cấp của tỉnh Quảng Bình lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện và thống nhất quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, sử dụng trong việc hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển, là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, đảm bảo tính khách quan, khoa học; là căn cứ để các doanh nghiệp, cộng đồng và người dân đầu tư, kinh doanh, sinh sống và làm việc cũng như là căn cứ để người dân có thể kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch tỉnh Quảng Bình, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2025 và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh Quảng Bình để phát triển nhanh và bền vững.

6. Các tài liệu hồ sơ sản phẩm giao nộp

6.1. Sản phẩm của dự án

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng của tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2025;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 tỉnh Quảng Bình;
- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2025;
- Các loại bản đồ chuyên đề;
- Đĩa CD ghi các sản phẩm (báo cáo, số liệu, các loại bản đồ số);
- Các văn bản có liên quan trong quá trình lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

6.2. Số lượng và nơi lưu trữ theo quy định như sau (05 bộ)

- Văn phòng Chính phủ: 01 bộ
- Bộ Tài nguyên và Môi trường: 02 bộ
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình: 01 bộ
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình: 01 bộ.

7. Bộ cục Đề cương nhiệm vụ: Lập Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2025.

(Có Phụ lục I kèm theo).

8. Tổng dự toán kinh phí: 4.495.641.000 đồng *(Bốn tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng).*

(Chi tiết có Phụ lục II kèm theo).

9. Nguồn kinh phí: Nguồn sự nghiệp tài nguyên và môi trường đã được bố trí cho Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2021 và nguồn kinh phí sẽ được phân bổ cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong các năm tiếp theo.

10. Thời gian thực hiện dự án: Hoàn thành trong năm 2021.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

(Có Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chọn đơn vị tư vấn đủ năng lực để giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng, ký hợp đồng thực hiện dự án đảm bảo tiến độ, nội dung, chất lượng sản phẩm theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra, nghiệm thu thanh quyết toán công trình theo khối lượng thực tế hoàn thành đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

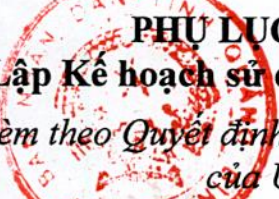
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature of Đoàn Ngọc Lâm

Đoàn Ngọc Lâm

**PHỤ LỤC I. ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ DỰ ÁN**
Lập Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2025
(Kèm theo Quyết định số **3123** /QĐ-UBND ngày **30** tháng **9** năm **2021**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

ĐẶT VẤN ĐỀ

SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Phần thứ nhất: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DỰ ÁN LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH QUẢNG BÌNH THỜI KỲ 2021-2025

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG DỰ ÁN

1.1. Căn cứ pháp lý

1.2. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ

II. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

III. PHẠM VI VÀ GIỚI HẠN LẬP DỰ ÁN

IV. CÁC SẢN PHẨM GIAO NỘP

4.1. Sản phẩm của Dự án

4.2. Số lượng và nơi lưu trữ

4.3. Tài liệu lưu trữ

Phần thứ hai: KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VÀ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH QUẢNG BÌNH

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1.1. Vị trí địa lý

1.2. Địa hình, địa mạo

1.3. Khí hậu

1.4. Thủy văn

II. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

2.1. Tài nguyên đất

2.2. Tài nguyên nước

2.3. Tài nguyên rừng

2.4. Tài nguyên biển và sinh vật biển

2.5. Tài nguyên khoáng sản

III. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

3.1. Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và thủy sản

3.2. Sản xuất công nghiệp

3.3. Các ngành dịch vụ

3.4. Giáo dục đào tạo

(Handwritten mark)

- 3.5. Văn hoá, thể thao
- 3.6. Thông tin và truyền thông
- 3.7. Y tế và chăm sóc sức khoẻ nhân dân
- 3.8. Dân số

IV. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020

Phần thứ ba: TRÌNH TỰ, NỘI DUNG THỰC HIỆN CÁC BƯỚC LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH THỜI KỲ 2021-2025

Phần thứ tư: DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH QUẢNG BÌNH THỜI KỲ 2021-2025

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

II. DỰ TOÁN KINH PHÍ

- 2.1. Chi phí trong đơn giá
- 2.2. Chi phí ngoài đơn giá
- 2.3. Chi phí dự phòng
- 2.4. Thuế phải nộp ngân sách nhà nước
- 2.5. Tổng dự toán kinh phí

Phần thứ năm: KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN



↙

PHỤ LỤC II. TỔNG HỢP DỰ TOÁN
Lập Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021- 2025
(Kèm theo Quyết định số 3123 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Nội dung	Công thức tính	Thành tiền (đồng)
A	Đơn giá sản phẩm (ĐG)	ĐG = TT + QLC	3.512.622.804
a	Nội nghiệp		3.329.989.237
b	Ngoại nghiệp		182.633.567
I	Chi phí trực tiếp (TT)	TT=NC+DC+TB,NL+QLC	3.047.837.454
a	Nội nghiệp		2.895.642.815
b	Ngoại nghiệp		152.194.639
	<i>Trong đó:</i>		
1	Chi phí nhân công (NC)		2.572.554.688
a	Nội nghiệp		2.443.955.184
b	Ngoại nghiệp		128.599.504
2	Chi phí dụng cụ (DC)		74.058.731
a	Nội nghiệp		72.712.370
b	Ngoại nghiệp		1.346.361
3	Chi phí thiết bị, năng lượng (TB,NL)		187.965.969
a	Nội nghiệp		176.231.049
b	Ngoại nghiệp		11.734.920
4	Chi phí vật liệu (VL)		213.258.066
a	Nội nghiệp		202.744.212
b	Ngoại nghiệp		10.513.854
II	Chi phí quản lý chung (QLC)		464.785.350
a	Nội nghiệp	TT (Nội nghiệp) * 15%	434.346.422
b	Ngoại nghiệp	TT (Ngoại nghiệp) * 20%	30.438.928
B	Chi phí ngoài đơn giá (NĐG)		574.323.795
1	Lập nhiệm vụ, dự án (<i>Phụ lục 04 Thông tư số 136/2017/TT-BTC</i>)	TT * 1,6%	48.765.399
2	Kiểm tra, nghiệm thu (<i>Phụ lục 04, Thông tư số 136/2017/TT-BTC</i>)	ĐG (Nội nghiệp) * 4% + ĐG (Nội nghiệp) * 5%	142.331.248

TT	Nội dung	Công thức tính	Thành tiền (đồng)
3	Chi phí thẩm định, xét duyệt sản phẩm dự án (Bảng c khoản 2.3 Mục II Thông tư số 04/2006/TT-BTNMT)	ĐG * 5%	175.631.140
4	Chi phí công bố (Bảng c, khoản 2.3 Mục II - Thông tư số 04/2006/TT-BTNMT)	ĐG * 3%	105.378.684
5	Báo cáo tổng kết dự án (Phụ lục 04 Thông tư số 136/2017/TT-BTC)	ĐG * 2,91%	102.217.324
C	Thuế	(A+B) * 10%	408.694.660
	Tổng cộng	A + B + C	4.495.641.259
	Tổng cộng (làm tròn số)		4.495.641.000

Bằng chữ: Bốn tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng.